TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38/2019/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 08 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:53/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích N, sinh năm 1989

Địa chỉ: 79 H, thị trấn T, huyện A, Đăk Lăk

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế P, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện S - Gia Lai

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Bích N và anh Nguyễn Thế P

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trần Thị Bích N và anh Nguyễn Thế P có một con chung là cháu Nguyễn Thanh P, sinh ngày 27/11/2014. Anh P và chị N thoả thuận giao cháu Nguyễn Thanh P cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu P thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng: Chị Trần Thị Bích N và anh Nguyễn Thế P thoả thuận, anh P cấp dưỡng nuôi cháu P 1.000.000 đồng/tháng *(một triệu đồng/tháng)* Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 09/4/2019. Chị N được nhận số tiền này để nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi

hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2.2.Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ *(một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ *(một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Chị Trần Thị Bích N và anh Nguyễn Thế P thoả thuận, chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con tổng cộng là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0007790, ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị Bích N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (02 bản);
- VKSND huyện S (02 bản);
-TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- UBND xã B (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản);

THẨM PHÁN

Võ Văn Quảng